

CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 533/QĐ-HVCSPT ngày 10 tháng 8 năm 2018
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

Tên tiếng Việt: Kinh tế quốc tế

Tên tiếng Anh: International Economics

- Mã số ngành đào tạo: 7310106

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Thời gian đào tạo: 3,5 - 4 năm

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

Tiếng Việt: Cử nhân ngành Kinh tế quốc tế

Tiếng Anh: Bachelor in International Economics

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:

Khoa Kinh tế đối ngoại, Học viện Chính sách và Phát triển

1.2. Mục tiêu đào tạo:

Đào tạo cử nhân đại học ngành Kinh tế quốc tế chuyên ngành Kinh tế đối ngoại có kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội, quản lý và kiến thức chuyên môn về kinh tế quốc tế, nắm vững kiến thức cơ bản về quản lý và kinh tế học hiện đại; có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có khả năng tư duy độc lập và năng lực tự tìm kiếm, bổ sung kiến thức theo yêu cầu của công việc

II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Về kiến thức

a. Kiến thức cơ bản

1. Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa mác – Lê Nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2. Hiểu về thể chế Nhà nước, nắm vững kiến thức pháp lý cơ bản, đặc biệt là pháp luật về kinh tế, đầu tư và kinh doanh.

3. Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.

4. Hiểu về quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc hoạch định, tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách.

5. Nắm vững các quy luật của kinh tế thị trường, có tư duy toàn cầu, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

b. Kiến thức chuyên sâu:

6. Nắm vững những kiến thức chuyên môn sâu về thương mại quốc tế bao gồm các lý thuyết về trao đổi quốc tế về hàng hóa, lý thuyết về lợi thế so sánh, các nguyên tắc, công cụ, các vấn đề phát sinh thuộc lĩnh vực thương mại quốc tế. Đánh giá, phân tích được và vận dụng được kiến thức này vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn về lĩnh vực thương mại quốc tế ở cấp độ quốc gia, siêu quốc gia và doanh nghiệp.

7. Nắm vững những kiến thức chuyên môn sâu về đầu tư quốc tế bao gồm các lý thuyết về di chuyển quốc tế về vốn, các nguyên tắc, công cụ của đầu tư trực tiếp nước ngoài, đầu tư gián tiếp. Đánh giá, phân tích được và vận dụng được kiến thức này vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn về lĩnh vực đầu tư vào và ra ở cấp độ quốc gia, siêu quốc gia và doanh nghiệp.

8. Hiểu và có kiến thức chuyên môn sâu về thị trường quốc tế; có khả năng vận dụng các kiến thức marketing quốc tế vào giải quyết các vấn đề kinh doanh quốc tế.

9. Nắm vững và có kiến thức chuyên môn về tài chính quốc tế quốc tế, các vấn đề tỷ giá, ngoại hối; có thể vận dụng các kiến thức này vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.

10. Có kiến thức chuyên môn sâu về luật kinh tế quốc tế, về đàm phán kinh tế quốc tế, đánh giá và phân tích, ứng dụng được các kiến thức này vào hỗ trợ, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.

11. Hiểu và có khả năng vận dụng các kiến thức về kinh tế quốc tế để tham gia vào quá trình phân tích chính sách kinh tế đối ngoại, kinh tế quốc tế.

12. Có khả năng vận dụng các kiến thức về kinh tế quốc tế để tham gia vào quá trình hoạch định chính sách kinh tế, kinh tế quốc tế.

13. Có khả năng vận dụng các kiến thức về kinh tế đối ngoại để tham gia vào quá trình hoạt động quản lý liên quan đến lĩnh vực quan hệ kinh tế quốc tế của quốc gia với các nước, khu vực, các tổ chức quốc tế.

2.2. Về kỹ năng

a. Kỹ năng nghề nghiệp

14. Khả năng làm việc trong các ngành nghề khác nhau trong lĩnh vực kinh tế quốc tế;

15. Sẵn sàng thích ứng khi thay đổi vị trí công tác hoặc công việc hay môi trường làm việc;

b. Kỹ năng mềm

16. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng thực hành, điều hành... đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo;

17. Có khả năng sử dụng ngoại ngữ một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề ở môi trường trong nước và quốc tế;

18. Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học thông dụng; có khả năng phân tích Dữ liệu lớn (Big Data) trong kinh tế và kinh doanh.

2.3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

19. Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

20. Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể.